TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Ông Lê Đình Thủ;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc:*"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1984.
Địa chỉ: tổ 32, ấp MHH, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1978.
Địa chỉ: tổ 32, ấp MHH, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trương Thị L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T do mai mối, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MX vào năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu, khi say về thì ghen tuông vô cớ, có lời lẽ xúc phạm chị L dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng giảm sút, không còn hạnh phúc. Trước đây chị L đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án và được hòa giải nên chị đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh T không thay

đổi, vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nhận thấy bản thân không còn tình cảm với anh T, chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh T nên nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Ngọc Bích, sinh ngày 16/8/2002; Lê Ngọc Liễu, sinh ngày 24/9/2005; Lê Ngọc Thi, sinh ngày 18/6/2012. Hiện nay con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Theo biên bản hòa giải ngày 02/8/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm anh Lê Thanh T là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh T thừa nhận trong thời gian qua bản thân có những hành vi và lời nói không đúng mực. Do anh T nhận thấy còn tình cảm với chị L nên anh T không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Ngọc Bích, sinh ngày 16/8/2002; Lê Ngọc Liễu, sinh ngày 24/9/2005; Lê Ngọc Thi, sinh ngày 18/6/2012. Hiện nay con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn anh T đồng ý để 03 con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Giấy CMND Trương Thị L, Lê Thanh T và SHK (photo);

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao);

+ Trích lục khai sinh Lê Ngọc Bích, Lê Ngọc Liễu, Lê Ngọc Thi (bản sao);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 02/8/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trương Thị L có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Lê Thanh T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở tổ 32, ấp MHH, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với việc thay đổi thành viên Hội đồng xét xử theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 thì bà Hồ Thị Mai Hương sẽ tham gia xét xử với tư cách Hội thẩm nhân dân, vì lý do chính đáng bà Hương không thể tham gia xét xử, thay vào đó là ông Lê Đình Thủ tham gia vào Hội đồng xét xử. Việc ông Lê Đình Thủ tham gia vào thành viên của Hội đồng xét xử, đương sự chị L và anh T đồng ý việc thay đổi này và đề nghị không hoãn phiên Tòa xét thấy phù hợp với Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đưa vụ án trên ra xét xử công khai trong ngày 15/8/2019 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T tổ chung sống từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MX vào năm 2002, do đó hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Chị L cho rằng thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc đầm ấm, thời gian sau này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, giữa anh chị không có tiếng nói chung, anh T thường hay xúc phạm danh dự chị dẫn đên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ đó tình cảm vợ chồng giảm sút. Trước đây chị L đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án và được động viên hàn gắn tình cảm nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không thay đổi, không hàn gắn tình cảm được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh T xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

Mặc khác anh T thừa nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Do anh T nhận thấy còn tình cảm với chị L nên anh T không đồng ý ly hôn với chị L. Tuy anh T không đồng ý ly hôn nhưng do chị L đã không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với anh T mà nhất quyết ly hôn, do đó anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung tên Lê Ngọc Bích, sinh ngày 16/8/2002; Lê Ngọc Liễu, sinh ngày 24/9/2005; Lê Ngọc Thi, sinh ngày 18/6/2012. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý theo yêu cầu chị L. Do đó để 03 con chung tên Lê Ngọc Bích, sinh ngày 16/8/2002; Lê Ngọc Liễu, sinh ngày 24/9/2005; Lê Ngọc Thi, sinh ngày 18/6/2012 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị Trương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 56, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị L.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị L được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Chị Trương Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Bích, sinh ngày 16/8/2002; Lê Ngọc Liễu, sinh ngày 24/9/2005 và Lê Ngọc Thi, sinh ngày 18/6/2012. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003034 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy tiền án phí chị L đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Phan Thị Nhã Quyên